

BỘ Y TẾ  
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

Số: 4088 /VĐ-HCQT  
V/v Yêu cầu báo giá đồ vải khu mổ năm 2026  
của Bệnh viện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp hàng hóa

Hiện nay, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức có nhu cầu mua sắm đồ vải khu mổ năm 2026 của Bệnh viện, để có cơ sở tham khảo giá hàng hóa trên thị trường, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức kính mời các đơn vị có khả năng cung cấp, báo giá hàng hóa với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Chuyên viên: Phạm Thị Hải Linh

Phòng Hành chính quản trị

SĐT: 0243.8253531, máy lẻ 5508

Email: [hcqt.bvvd@gmail.com](mailto:hcqt.bvvd@gmail.com)

3. Bệnh viện tiếp nhận báo giá đồng thời theo 02 (hai) hình thức:

- **Nhận trực tiếp tại địa chỉ:** Tầng 2 nhà E- Phòng Hành chính quản trị- Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức; số 40 Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

- **Nhận qua Email:** [vietchospitalmuasam@gmail.com](mailto:vietchospitalmuasam@gmail.com)

(Lưu ý: Các Đơn vị gửi báo giá đồng thời theo 2 hình thức nêu trên. Đơn vị cung cấp báo giá qua email phải ghi rõ Số hiệu văn bản yêu cầu báo giá trong nội dung email).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 29 tháng 6 năm 2026 đến trước 06 ngày tháng 7 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 06 / 7 / 2026.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Chi tiết danh mục hàng hóa mời báo giá: Theo phụ lục 01 đính kèm.

2. Biểu mẫu báo giá/chào giá: Theo biểu mẫu phụ lục 02 đính kèm.

3. Giá báo giá bao gồm các chi phí, thuế VAT và các loại thuế, phí khác (nếu có) theo quy định hiện hành.

Rất mong nhận được sự tham gia của các đơn vị.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT; HCQT.

TL.GIÁM ĐỐC  
KT.TRƯỞNG PHÒNG HCQT  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Nghiêm Diệu Hương

**PHỤ LỤC 01: DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI BÁO GIÁ**  
(Đính kèm Công văn số 4088 /VB-HCQT ngày 29 / 6 /2026)

**1. Danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật**

TT	Mã VT	Tên hàng hóa/ Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng																																										
		<p><b>Túi đựng đồ bán</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểu dáng: May theo mẫu của Bệnh viện, kích thước: 1,2m x 0,75m (Sai số ± 1%),</li> <li>- Vải màu tím than (tham khảo mã màu 19-3942 TCX trên Pantone)</li> <li>- Thành phần và yêu cầu vải may:</li> </ul> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Kết quả</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Nguyên liệu (%)</td> <td>Polyeste: 100</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Kiểu dệt</td> <td>Vân chéo 2/1</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">3</td> <td rowspan="2">Mật độ sợi (sợi/10cm)</td> <td>Dọc</td> <td>≥ 550</td> </tr> <tr> <td>Ngang</td> <td>≥ 350</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">4</td> <td rowspan="2">Chi số sợi tách từ vải (Ne)</td> <td>Dọc</td> <td>40(±4)/2</td> </tr> <tr> <td>Ngang</td> <td>40(±4)/2</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>)</td> <td>≥ 120</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">6</td> <td rowspan="2">Độ bền xé rách (N)</td> <td>Dọc</td> <td>≥ 60</td> </tr> <tr> <td>Ngang</td> <td>≥ 60</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">7</td> <td rowspan="2">Độ bền màu với giặt bằng xà phòng hoặc xà phòng và soda ở 40°C</td> <td colspan="2">≥ 4 (thang cấp 5)</td> </tr> <tr> <td colspan="2">Độ bền màu với là ép nóng ở 150°C</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">9</td> <td rowspan="2">Sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô</td> <td>Dọc</td> <td>≤ 3%</td> </tr> <tr> <td>Ngang</td> <td>≤ 3%</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy cách may cụ thể như sau:</li> <li>+ Chất liệu chỉ may: Polyester 40/2; may mép 1cm trần 02 đường, số mũi khâu 5 mũi chỉ/cm (± ½ mũi).</li> <li>+ May bằng máy may công nghiệp, vát sổ bằng máy 2 kim 5 chỉ. Các đường may phải thẳng, đều, không sùì chỉ, lỏng chỉ, bỏ mũi, tụt hoặc sỏ chỉ. Chỗ nối chỉ, chỗ lại mũi phải chông khít và gặp nhau theo kích thước quy định, các đường may xong phải sạch đầu chỉ.</li> <li>+ Miệng túi có dây rút</li> </ul>	TT	Chỉ tiêu	Kết quả	1	Nguyên liệu (%)	Polyeste: 100	2	Kiểu dệt	Vân chéo 2/1	3	Mật độ sợi (sợi/10cm)	Dọc	≥ 550	Ngang	≥ 350	4	Chi số sợi tách từ vải (Ne)	Dọc	40(±4)/2	Ngang	40(±4)/2	5	Khối lượng thực tế (g/m <sup>2</sup> )	≥ 120	6	Độ bền xé rách (N)	Dọc	≥ 60	Ngang	≥ 60	7	Độ bền màu với giặt bằng xà phòng hoặc xà phòng và soda ở 40°C	≥ 4 (thang cấp 5)		Độ bền màu với là ép nóng ở 150°C		9	Sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô	Dọc	≤ 3%	Ngang	≤ 3%		
TT	Chỉ tiêu	Kết quả																																												
1	Nguyên liệu (%)	Polyeste: 100																																												
2	Kiểu dệt	Vân chéo 2/1																																												
3	Mật độ sợi (sợi/10cm)	Dọc	≥ 550																																											
		Ngang	≥ 350																																											
4	Chi số sợi tách từ vải (Ne)	Dọc	40(±4)/2																																											
		Ngang	40(±4)/2																																											
5	Khối lượng thực tế (g/m <sup>2</sup> )	≥ 120																																												
6	Độ bền xé rách (N)	Dọc	≥ 60																																											
		Ngang	≥ 60																																											
7	Độ bền màu với giặt bằng xà phòng hoặc xà phòng và soda ở 40°C	≥ 4 (thang cấp 5)																																												
		Độ bền màu với là ép nóng ở 150°C																																												
9	Sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô	Dọc	≤ 3%																																											
		Ngang	≤ 3%																																											
1.	76065		cái	200																																										

TT	Mã VT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng																																																			
		<p>+ Logo Bệnh viện + năm, logo in decal nhiệt theo mẫu đính kèm KT 100x 43mm (<b>Bản vẽ 01</b>)</p> <p><b>Toan xanh 1,8m x 1,4m</b></p> <p>- Kiểu dáng: May theo mẫu của Bệnh viện, kích thước: 1,8m x 1,4m (Sai số ± 1%),</p> <p>- Vải kaki màu xanh lá cây (tham khảo mã màu 18-5338 TCX trên Pantone)</p> <p>- Thành phần và yêu cầu vải may:</p>																																																					
		<table border="1"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Kết quả</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Nguyên liệu (%)</td> <td>Polyeste:85(±3); Visco/Cotton: 15 (±2)</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Kiểu dệt</td> <td>Vân chéo 3/1</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">3</td> <td rowspan="2">Mật độ sợi (sợi/10cm)</td> <td>Dọc</td> <td>≥450</td> </tr> <tr> <td>Ngang</td> <td>≥ 220</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">4</td> <td rowspan="2">Chi số sợi tách từ vải (Ne)</td> <td>Dọc</td> <td>40(±4)/2;</td> </tr> <tr> <td>Ngang</td> <td>40(±4)/2;</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">5</td> <td rowspan="2">Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>)</td> <td>Dọc</td> <td>≥ 240</td> </tr> <tr> <td>Ngang</td> <td>≥ 60</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">6</td> <td rowspan="2">Độ bền xé rách (N)</td> <td>Dọc</td> <td>≥ 60</td> </tr> <tr> <td>Ngang</td> <td>≥ 60</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">7</td> <td rowspan="2">Độ bền màu với giặt bằng xà phòng hoặc xà phòng và soda ở 40°C</td> <td>Dọc</td> <td>≥4 (thang cấp 5)</td> </tr> <tr> <td>Ngang</td> <td>≥4 (thang cấp 5)</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">8</td> <td rowspan="2">Độ bền màu với là ép nóng ở 150°C</td> <td>Dọc</td> <td>≤3%</td> </tr> <tr> <td>Ngang</td> <td>≤3%</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">9</td> <td rowspan="2">Sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô</td> <td>Dọc</td> <td>≤3%</td> </tr> <tr> <td>Ngang</td> <td>≤3%</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Quy cách may cụ thể như sau:</p> <p>+ Chất liệu chỉ may: Polyester 40/2; may mép 1cm trần 02 đường, viền 04 cạnh, số mũi khâu 5 mũi chỉ/cm (± ½ mũi).</p> <p>+ May bằng máy may công nghiệp. Các đường may phải thẳng, đều, không sùì chỉ, lông chỉ, bò mũi, tụt hoặc sỏ chỉ. Chỗ nối chỉ, chỗ lại mũi phải chồng khít và gặp nhau theo kích thước quy định, các đường may xong phải sạch đầu chỉ.</p> <p>+ Logo Bệnh viện + năm, logo in decal nhiệt theo mẫu đính kèm KT 43x100mm (<b>Bản vẽ 02</b>)</p>	TT	Chỉ tiêu	Kết quả	1	Nguyên liệu (%)	Polyeste:85(±3); Visco/Cotton: 15 (±2)	2	Kiểu dệt	Vân chéo 3/1	3	Mật độ sợi (sợi/10cm)	Dọc	≥450	Ngang	≥ 220	4	Chi số sợi tách từ vải (Ne)	Dọc	40(±4)/2;	Ngang	40(±4)/2;	5	Khối lượng thực tế (g/m <sup>2</sup> )	Dọc	≥ 240	Ngang	≥ 60	6	Độ bền xé rách (N)	Dọc	≥ 60	Ngang	≥ 60	7	Độ bền màu với giặt bằng xà phòng hoặc xà phòng và soda ở 40°C	Dọc	≥4 (thang cấp 5)	Ngang	≥4 (thang cấp 5)	8	Độ bền màu với là ép nóng ở 150°C	Dọc	≤3%	Ngang	≤3%	9	Sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô	Dọc	≤3%	Ngang	≤3%	Cái	9.000
TT	Chỉ tiêu	Kết quả																																																					
1	Nguyên liệu (%)	Polyeste:85(±3); Visco/Cotton: 15 (±2)																																																					
2	Kiểu dệt	Vân chéo 3/1																																																					
3	Mật độ sợi (sợi/10cm)	Dọc	≥450																																																				
		Ngang	≥ 220																																																				
4	Chi số sợi tách từ vải (Ne)	Dọc	40(±4)/2;																																																				
		Ngang	40(±4)/2;																																																				
5	Khối lượng thực tế (g/m <sup>2</sup> )	Dọc	≥ 240																																																				
		Ngang	≥ 60																																																				
6	Độ bền xé rách (N)	Dọc	≥ 60																																																				
		Ngang	≥ 60																																																				
7	Độ bền màu với giặt bằng xà phòng hoặc xà phòng và soda ở 40°C	Dọc	≥4 (thang cấp 5)																																																				
		Ngang	≥4 (thang cấp 5)																																																				
8	Độ bền màu với là ép nóng ở 150°C	Dọc	≤3%																																																				
		Ngang	≤3%																																																				
9	Sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô	Dọc	≤3%																																																				
		Ngang	≤3%																																																				
2.	76032																																																						
3.	76068	<b>Toan xanh 1.0m x 0,7m</b>	Cái	800																																																			

TT	Mã VT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng																														
		<p>- Kiểu dáng: May theo mẫu của Bệnh viện, kích thước: 1,0m x 0,7m (Sai số ± 1%),</p> <p>- Vải kaki màu xanh lá cây (tham khảo mã màu 18-5338 TCX trên Pantone)</p> <p>- Thành phần và yêu cầu: Thành phần và yêu cầu vải may:</p> <table border="1" data-bbox="363 427 1134 1839"> <thead> <tr> <th data-bbox="363 1749 419 1839">TT</th> <th data-bbox="363 770 419 1749">Chỉ tiêu</th> <th data-bbox="363 427 419 770">Kết quả</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="419 1749 528 1839">1</td> <td data-bbox="419 770 528 1749">Nguyên liệu (%)</td> <td data-bbox="419 427 528 770">Polyeste:85(±3); Visco/Cotton: 15 (±2)</td> </tr> <tr> <td data-bbox="528 1749 592 1839">2</td> <td data-bbox="528 770 592 1749">Kiểu dệt</td> <td data-bbox="528 427 592 770">Vân chéo 3/1</td> </tr> <tr> <td data-bbox="592 1749 671 1839">3</td> <td data-bbox="592 770 671 1749">Mật độ sợi (sợi/10cm)</td> <td data-bbox="592 427 671 770">Dọc Ngang ≥450 ≥ 220</td> </tr> <tr> <td data-bbox="671 1749 751 1839">4</td> <td data-bbox="671 770 751 1749">Chỉ số sợi tách từ vải (Ne)</td> <td data-bbox="671 427 751 770">Dọc Ngang 40(±4)/2; 40(±4)/2;</td> </tr> <tr> <td data-bbox="751 1749 831 1839">5</td> <td data-bbox="751 770 831 1749">Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>)</td> <td data-bbox="751 427 831 770">≥ 240</td> </tr> <tr> <td data-bbox="831 1749 911 1839">6</td> <td data-bbox="831 770 911 1749">Độ bền xé rách (N)</td> <td data-bbox="831 427 911 770">Dọc Ngang ≥ 60 ≥ 60</td> </tr> <tr> <td data-bbox="911 1749 975 1839">7</td> <td data-bbox="911 770 975 1749">Độ bền màu với giặt bằng xà phòng hoặc xà phòng và soda ở 40°C</td> <td data-bbox="911 427 975 770">≥4 (thang cấp 5)</td> </tr> <tr> <td data-bbox="975 1749 1038 1839">8</td> <td data-bbox="975 770 1038 1749">Độ bền màu với là ép nóng ở 150°C</td> <td data-bbox="975 427 1038 770">≥4 (thang cấp 5)</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1038 1749 1134 1839">9</td> <td data-bbox="1038 770 1134 1749">Sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô</td> <td data-bbox="1038 427 1134 770">Dọc Ngang ≤3% ≤3%</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Quy cách may cụ thể như sau: + Chất liệu chỉ may: Polyester 40/2; may mép 1cm trần 02 đường, viền 04 cạnh, số mũi khâu 5 mũi chỉ/cm (± ½ mũi). + May bằng máy may công nghiệp. Các đường may phải thẳng, đều, không sù sì chỉ, lỏng chỉ, bỏ mũi, tụt hoặc sỏ chỉ. Chỗ nối chỉ, chỗ lại mũi phải chông khít và gặp nhau theo kích thước quy định, các đường may xong phải sạch đầu chỉ. + Logo Bệnh viện + năm, logo in decal nhiệt theo mẫu đính kèm KT 43x100mm (<b>Bản vẽ 02</b>)</p>	TT	Chỉ tiêu	Kết quả	1	Nguyên liệu (%)	Polyeste:85(±3); Visco/Cotton: 15 (±2)	2	Kiểu dệt	Vân chéo 3/1	3	Mật độ sợi (sợi/10cm)	Dọc Ngang ≥450 ≥ 220	4	Chỉ số sợi tách từ vải (Ne)	Dọc Ngang 40(±4)/2; 40(±4)/2;	5	Khối lượng thực tế (g/m <sup>2</sup> )	≥ 240	6	Độ bền xé rách (N)	Dọc Ngang ≥ 60 ≥ 60	7	Độ bền màu với giặt bằng xà phòng hoặc xà phòng và soda ở 40°C	≥4 (thang cấp 5)	8	Độ bền màu với là ép nóng ở 150°C	≥4 (thang cấp 5)	9	Sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô	Dọc Ngang ≤3% ≤3%		
TT	Chỉ tiêu	Kết quả																																
1	Nguyên liệu (%)	Polyeste:85(±3); Visco/Cotton: 15 (±2)																																
2	Kiểu dệt	Vân chéo 3/1																																
3	Mật độ sợi (sợi/10cm)	Dọc Ngang ≥450 ≥ 220																																
4	Chỉ số sợi tách từ vải (Ne)	Dọc Ngang 40(±4)/2; 40(±4)/2;																																
5	Khối lượng thực tế (g/m <sup>2</sup> )	≥ 240																																
6	Độ bền xé rách (N)	Dọc Ngang ≥ 60 ≥ 60																																
7	Độ bền màu với giặt bằng xà phòng hoặc xà phòng và soda ở 40°C	≥4 (thang cấp 5)																																
8	Độ bền màu với là ép nóng ở 150°C	≥4 (thang cấp 5)																																
9	Sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô	Dọc Ngang ≤3% ≤3%																																
4.	76061	<b>Toan lỗ 1,4m x 1,2m</b>	Cái	1.500																														

TT	Mã VT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng																																						
		<p>- Kiểu dáng: May theo mẫu của Bệnh viện, kích thước: 1,4m x 1,2m (Sai số ± 1%),</p> <p>- Vải kaki màu xanh lá cây (tham khảo mã màu 18-5338 TCX trên Pantone)</p> <p>Thành phần và yêu cầu vải may:</p> <table border="1" data-bbox="325 421 1098 1839"> <thead> <tr> <th data-bbox="325 1742 379 1839">TT</th> <th data-bbox="325 757 379 1742">Chỉ tiêu</th> <th data-bbox="325 421 379 757">Kết quả</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="379 1742 459 1839">1</td> <td data-bbox="379 757 459 1742">Nguyên liệu (%)</td> <td data-bbox="379 421 459 757">Polyeste:85(±3); Visco/Cotton: 15 (±2)</td> </tr> <tr> <td data-bbox="459 1742 513 1839">2</td> <td data-bbox="459 757 513 1742">Kiểu dệt</td> <td data-bbox="459 421 513 757">Vân chéo 3/1</td> </tr> <tr> <td data-bbox="513 1742 568 1839">3</td> <td data-bbox="513 757 568 1742" rowspan="2">Mật độ sợi (sợi/10cm)</td> <td data-bbox="513 584 568 757">Dọc</td> </tr> <tr> <td data-bbox="568 1742 622 1839"></td> <td data-bbox="568 584 622 757">Ngang</td> </tr> <tr> <td data-bbox="622 1742 676 1839">4</td> <td data-bbox="622 757 676 1742" rowspan="2">Chi số sợi tách từ vải (Ne)</td> <td data-bbox="622 584 676 757">Dọc</td> </tr> <tr> <td data-bbox="676 1742 730 1839"></td> <td data-bbox="676 584 730 757">Ngang</td> </tr> <tr> <td data-bbox="730 1742 785 1839">5</td> <td data-bbox="730 757 785 1742">Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>)</td> <td data-bbox="730 421 785 757">≥ 240</td> </tr> <tr> <td data-bbox="785 1742 839 1839">6</td> <td data-bbox="785 757 839 1742" rowspan="2">Độ bền xé rách (N)</td> <td data-bbox="785 584 839 757">Dọc</td> </tr> <tr> <td data-bbox="839 1742 893 1839"></td> <td data-bbox="839 584 893 757">Ngang</td> </tr> <tr> <td data-bbox="893 1742 948 1839">7</td> <td data-bbox="893 757 948 1742">Độ bền màu với giặt bằng xà phòng hoặc xà phòng và soda ở 40°C</td> <td data-bbox="893 421 948 757">≥4 (thang cấp 5)</td> </tr> <tr> <td data-bbox="948 1742 1002 1839">8</td> <td data-bbox="948 757 1002 1742">Độ bền màu với là ép nóng ở 150°C</td> <td data-bbox="948 421 1002 757">≥4 (thang cấp 5)</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1002 1742 1056 1839">9</td> <td data-bbox="1002 757 1056 1742" rowspan="2">Sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô</td> <td data-bbox="1002 584 1056 757">Dọc</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1056 1742 1110 1839"></td> <td data-bbox="1056 584 1110 757">Ngang</td> </tr> </tbody> </table> <p data-bbox="1110 421 1445 1839"> - Quy cách may cụ thể như sau:  + Chất liệu chỉ may: Polyester 40/2; may mép 1cm trần 02 đường, viền 04 cạnh, số mũi khâu 5 mũi chỉ/cm (± ½ mũi). Chính giữa của toan có lỗ tròn đường, đường kính 14cm, may đắp bằng miếng vải hình vuông 22 x 22cm.  + May bằng máy may công nghiệp. Các đường may phải thẳng, đều, không sùi chỉ, lỏng chỉ, bỏ mũi, tụt hoặc sỏ chỉ. Chỗ nối chỉ, chỗ lại mũi phải chồng khít và gặp nhau theo kích thước quy định, các đường may xong phải sạch đầu chỉ.  + Logo Bệnh viện+ năm, logo in decal nhiệt theo mẫu đính kèm KT 43x100mm (<b>Bản vẽ 02</b>) </p>	TT	Chỉ tiêu	Kết quả	1	Nguyên liệu (%)	Polyeste:85(±3); Visco/Cotton: 15 (±2)	2	Kiểu dệt	Vân chéo 3/1	3	Mật độ sợi (sợi/10cm)	Dọc		Ngang	4	Chi số sợi tách từ vải (Ne)	Dọc		Ngang	5	Khối lượng thực tế (g/m <sup>2</sup> )	≥ 240	6	Độ bền xé rách (N)	Dọc		Ngang	7	Độ bền màu với giặt bằng xà phòng hoặc xà phòng và soda ở 40°C	≥4 (thang cấp 5)	8	Độ bền màu với là ép nóng ở 150°C	≥4 (thang cấp 5)	9	Sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô	Dọc		Ngang		
TT	Chỉ tiêu	Kết quả																																								
1	Nguyên liệu (%)	Polyeste:85(±3); Visco/Cotton: 15 (±2)																																								
2	Kiểu dệt	Vân chéo 3/1																																								
3	Mật độ sợi (sợi/10cm)	Dọc																																								
		Ngang																																								
4	Chi số sợi tách từ vải (Ne)	Dọc																																								
		Ngang																																								
5	Khối lượng thực tế (g/m <sup>2</sup> )	≥ 240																																								
6	Độ bền xé rách (N)	Dọc																																								
		Ngang																																								
7	Độ bền màu với giặt bằng xà phòng hoặc xà phòng và soda ở 40°C	≥4 (thang cấp 5)																																								
8	Độ bền màu với là ép nóng ở 150°C	≥4 (thang cấp 5)																																								
9	Sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô	Dọc																																								
		Ngang																																								
5.	76039	<b>Toan gối chập đôi 1m x 1m</b>	Cái	1.300																																						

*Handwritten signature*

TT	Mã VT	Tên hàng hóa/ Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng																																							
		- Kiểu dáng: May theo mẫu của Bệnh viện, kích thước: 1m x 1m (Sai số ± 1%), - Kích thước: 1m x 1m (Sai số ± 1%), - Vải dệt kaki màu xanh hòa bình ( tham khảo mã màu 18-4043 TCX trên Pantone) - Thành phần và yêu cầu vải may:																																									
		<table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="363 1751 416 1832">TT</th> <th data-bbox="363 772 416 1751">Chỉ tiêu</th> <th data-bbox="363 436 416 772">Kết quả</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="416 1751 512 1832">1</td> <td data-bbox="416 772 512 1751">Nguyên liệu (%)</td> <td data-bbox="416 436 512 772">Polyeste:85(±3); Visco/Cotton: 15 (±2)</td> </tr> <tr> <td data-bbox="512 1751 564 1832">2</td> <td data-bbox="512 772 564 1751">Kiểu dệt</td> <td data-bbox="512 436 564 772">Vân chéo 3/1</td> </tr> <tr> <td data-bbox="564 1751 617 1832">3</td> <td data-bbox="564 772 617 1751" rowspan="2">Mật độ sợi (sợi/10cm)</td> <td data-bbox="564 584 617 772">Dọc</td> </tr> <tr> <td data-bbox="617 1751 670 1832"></td> <td data-bbox="617 584 670 772">Ngang</td> </tr> <tr> <td data-bbox="670 1751 722 1832">4</td> <td data-bbox="670 772 722 1751" rowspan="2">Chi số sợi tách từ vải (Ne)</td> <td data-bbox="670 584 722 772">Dọc</td> </tr> <tr> <td data-bbox="722 1751 775 1832"></td> <td data-bbox="722 584 775 772">Ngang</td> </tr> <tr> <td data-bbox="775 1751 844 1832">5</td> <td data-bbox="775 772 844 1751" rowspan="2">Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>)</td> <td data-bbox="775 584 844 772">≥ 200</td> </tr> <tr> <td data-bbox="844 1751 896 1832">6</td> <td data-bbox="844 584 896 772">Độ bền xé rách (N)</td> </tr> <tr> <td data-bbox="896 1751 949 1832"></td> <td data-bbox="896 772 949 1751" rowspan="2"></td> <td data-bbox="896 584 949 772">Dọc</td> </tr> <tr> <td data-bbox="949 1751 1002 1832"></td> <td data-bbox="949 584 1002 772">Ngang</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1002 1751 1054 1832">7</td> <td data-bbox="1002 772 1054 1751" rowspan="2">Độ bền màu với giặt bằng xà phòng hoặc xà phòng và soda ở 40°C</td> <td data-bbox="1002 584 1054 772">≥4 (thang cấp 5)</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1054 1751 1107 1832">8</td> <td data-bbox="1054 772 1107 1751">Độ bền màu với là ép nóng ở 150°C</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1107 1751 1160 1832">9</td> <td data-bbox="1107 772 1160 1751" rowspan="2">Sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô</td> <td data-bbox="1107 584 1160 772">Dọc</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1160 1751 1212 1832"></td> <td data-bbox="1160 584 1212 772">Ngang</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Chỉ tiêu	Kết quả	1	Nguyên liệu (%)	Polyeste:85(±3); Visco/Cotton: 15 (±2)	2	Kiểu dệt	Vân chéo 3/1	3	Mật độ sợi (sợi/10cm)	Dọc		Ngang	4	Chi số sợi tách từ vải (Ne)	Dọc		Ngang	5	Khối lượng thực tế (g/m <sup>2</sup> )	≥ 200	6	Độ bền xé rách (N)			Dọc		Ngang	7	Độ bền màu với giặt bằng xà phòng hoặc xà phòng và soda ở 40°C	≥4 (thang cấp 5)	8	Độ bền màu với là ép nóng ở 150°C	9	Sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô	Dọc		Ngang		
TT	Chỉ tiêu	Kết quả																																									
1	Nguyên liệu (%)	Polyeste:85(±3); Visco/Cotton: 15 (±2)																																									
2	Kiểu dệt	Vân chéo 3/1																																									
3	Mật độ sợi (sợi/10cm)	Dọc																																									
		Ngang																																									
4	Chi số sợi tách từ vải (Ne)	Dọc																																									
		Ngang																																									
5	Khối lượng thực tế (g/m <sup>2</sup> )	≥ 200																																									
6		Độ bền xé rách (N)																																									
		Dọc																																									
		Ngang																																									
7	Độ bền màu với giặt bằng xà phòng hoặc xà phòng và soda ở 40°C	≥4 (thang cấp 5)																																									
8		Độ bền màu với là ép nóng ở 150°C																																									
9	Sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô	Dọc																																									
		Ngang																																									
		- Quy cách may cụ thể như sau: + Toan may 2 lớp, mép 1cm trần 2 đường may, may 4 cạnh, số mũi khâu 5 mũi chỉ/cm (± ½ mũi). May trần trám mỗi đường cách nhau 9cm. + May bằng máy may công nghiệp. Các đường may phải thẳng, đều, không sùi chỉ, lỏng chỉ, bỏ mũi, tụt hoặc sỏ chỉ. Chỗ nối chỉ, chỗ lại mũi phải chồng khít và gặp nhau theo kích thước quy định, các đường may xong phải sạch đầu chỉ. + Chất liệu chỉ may: Polyester 40/2; + Logo Bệnh viện+ năm, logo in decal nhiệt theo mẫu đính kèm KT 43x100mm ( <b>Bản vẽ 02</b> )																																									

OK

TT	Mã VT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng																														
6	76039	<p><b>Áo mổ PTV</b>            Kiểu dáng, kích thước: May theo mẫu của Bệnh viện gồm 4 size: S, M, L, XL (Sai số ± 1%),            - Màu sắc: Xanh tím (tham khảo mã màu 19-4039 TCX trên Pantone)            - Thành phần và yêu cầu vải may:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Kết quả</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Nguyên liệu (%)</td> <td>Polyeste: 65(±3); Visco/Cotton: 35 (±2)</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Kiểu dệt</td> <td>Vân chéo 3/1</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Mật độ sợi (sợi/10cm)</td> <td>Dọc Ngang ≥ 260 ≥ 260</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Chỉ số sợi tách từ vải (Ne)</td> <td>Dọc Ngang 40(±4)/2; 40(±4)/2;</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>)</td> <td>≥ 160</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Độ bền xé rách (N)</td> <td>Dọc Ngang ≥ 60 ≥ 60</td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>Độ bền màu với giặt bằng xà phòng hoặc xà phòng và soda ở 40°C</td> <td>≥ 4 (thang cấp 5)</td> </tr> <tr> <td>8</td> <td>Độ bền màu với là ép nóng ở 150°C</td> <td>≥ 4 (thang cấp 5)</td> </tr> <tr> <td>9</td> <td>Sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô</td> <td>Dọc Ngang ≤ 3% ≤ 3%</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Quy cách may cụ thể như sau:            + Vắt sổ bằng máy 2 kim, 5 chỉ, 5 mũi chỉ/cm (± ½ mũi)            + Chất liệu chỉ may: Polyester 40/2; 5 mũi chỉ/cm (± ½ mũi). Các đường may phải thẳng, đều, không sùt chỉ, lỏng chỉ, bỏ mũi, tụt hoặc sỏ chỉ. Chỗ nối chỉ, chỗ lại mũi phải chông khít và gặp nhau theo kích thước quy định, các đường may xong phải sạch đẹp đầu chỉ.            + Dây buộc áo phải chắc, bền, đủ dài để buộc.            + Tay áo có may chun nút cổ tay ít giãn khi hấp vô khuẩn.            + Logo Bệnh viện+ năm, logo in decal nhiệt theo mẫu đính kèm KT 43x100mm (<b>Bản vẽ 02</b>)</p>	TT	Chỉ tiêu	Kết quả	1	Nguyên liệu (%)	Polyeste: 65(±3); Visco/Cotton: 35 (±2)	2	Kiểu dệt	Vân chéo 3/1	3	Mật độ sợi (sợi/10cm)	Dọc Ngang ≥ 260 ≥ 260	4	Chỉ số sợi tách từ vải (Ne)	Dọc Ngang 40(±4)/2; 40(±4)/2;	5	Khối lượng thực tế (g/m <sup>2</sup> )	≥ 160	6	Độ bền xé rách (N)	Dọc Ngang ≥ 60 ≥ 60	7	Độ bền màu với giặt bằng xà phòng hoặc xà phòng và soda ở 40°C	≥ 4 (thang cấp 5)	8	Độ bền màu với là ép nóng ở 150°C	≥ 4 (thang cấp 5)	9	Sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô	Dọc Ngang ≤ 3% ≤ 3%	Cái	1.700
TT	Chỉ tiêu	Kết quả																																
1	Nguyên liệu (%)	Polyeste: 65(±3); Visco/Cotton: 35 (±2)																																
2	Kiểu dệt	Vân chéo 3/1																																
3	Mật độ sợi (sợi/10cm)	Dọc Ngang ≥ 260 ≥ 260																																
4	Chỉ số sợi tách từ vải (Ne)	Dọc Ngang 40(±4)/2; 40(±4)/2;																																
5	Khối lượng thực tế (g/m <sup>2</sup> )	≥ 160																																
6	Độ bền xé rách (N)	Dọc Ngang ≥ 60 ≥ 60																																
7	Độ bền màu với giặt bằng xà phòng hoặc xà phòng và soda ở 40°C	≥ 4 (thang cấp 5)																																
8	Độ bền màu với là ép nóng ở 150°C	≥ 4 (thang cấp 5)																																
9	Sự thay đổi kích thước trong quá trình giặt và làm khô	Dọc Ngang ≤ 3% ≤ 3%																																

**Bản vẽ**



**Bản vẽ 01 Logo Bệnh viện kích thước 100x 43mm**



**Bản vẽ 02 Logo Bệnh viện kích thước 43x100mm**

## 2. Yêu cầu chung:

### 2.1. Yêu cầu thử nghiệm:

- Có kết quả kiểm nghiệm hoặc thử nghiệm của đơn vị được phép kinh doanh dịch vụ theo pháp luật, chứng minh hàng hóa đáp ứng các thành phần và yêu cầu vải may tại Mục 1 Danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật.
- Thời hạn phiếu kiểm nghiệm hoặc thử nghiệm: Không quá 01 năm tính đến thời điểm nộp.
- Thời hạn nộp phiếu kiểm nghiệm hoặc thử nghiệm: nhà thầu nộp bản gốc hoặc bản sao chứng thực ngay khi ký kết biên bản hoàn thiện hợp đồng

### 2.2. Yêu cầu mẫu vải:

- Đơn vị cung cấp nộp 01 mẫu vải/chúng loại và tài liệu kiểm nghiệm và thử nghiệm đính kèm theo danh mục hàng hóa với kích thước chiều dài  $\geq 2m$ , chiều rộng đủ khổ và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về thành phần và yêu cầu vải may theo Mục II phụ lục này. Mẫu sẽ được lưu tại đơn vị làm cơ sở đối chiếu trong suốt quá trình bàn giao hàng hóa khi đơn vị cung cấp trưng thầu.
- Thời hạn nộp mẫu vải: nhà thầu nộp ngay khi ký kết biên bản hoàn thiện hợp đồng.

### 2.3. Tiêu chuẩn về quy cách đóng gói:

Quy cách đóng gói: 10 cái đóng thành 1 tập buộc trong túi nilon, 5 tập đóng trong 1 bao ghi rõ tên nội dung hàng hóa, số lượng ở ngoài vỏ bao. Với số lượng hàng hóa lẻ không đóng gói theo quy định thì nhà thầu đóng gói riêng biệt từng loại hàng hóa vào túi nilon khi giao hàng.

**2.4. Địa điểm giao hàng:** Kho Kiểm soát nhiễm khuẩn, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức tại các cơ sở: cơ sở Trảng Thi, cơ sở Ninh Bình, cơ sở Ngọc Hồi, cơ sở Đặng Tiến Đông...)

### 2.5. Về mức độ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, bảo hành và tiến độ cung cấp:

- Cam kết trong thời gian giao nhận, sử dụng hàng hóa phát hiện sản phẩm lỗi, hỏng do nhà sản xuất phải thực hiện việc đổi trả, thay thế trong thời gian  $\leq 5$  ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu mà không tính thêm bất kỳ chi phí nào (Trừ thứ 7, Chủ nhật và ngày Lễ, Tết).
- Cam kết giao hàng theo từng đợt đúng số lượng, chất lượng, địa điểm tại kho của Bệnh viện  $\leq 30$  ngày kể từ ngày có đơn đặt hàng của chủ đầu tư (Trừ thứ 7, Chủ nhật và ngày Lễ, Tết).
- Cam kết sản phẩm là hàng mới 100% được sản xuất từ năm 2026, đáp ứng đúng yêu cầu về kích thước, chất liệu, màu sắc và quy cách may theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Sau khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải gửi bản thiết kế chi tiết của hàng hóa, hàng hóa chỉ được sản xuất sau khi bản thiết kế đã được Bệnh viện phê duyệt.

## PHỤ LỤC 02. BIỂU MẪU BÁO GIÁ

(Đính kèm Công văn số 4088 /VD-HCQT ngày 29 / 6 /2026)

### BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức

Công ty (Tên đơn vị báo giá) kính gửi Quý cơ quan bảng báo giá hàng hóa chi tiết theo bảng tổng hợp như sau:

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT (VND)	Thuế VAT (%)	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT (VND)
1.	Túi đựng đồ bán	Cam kết đáp ứng tất cả yêu cầu kỹ thuật tại mục 2 - Danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật tại phụ lục 01				
2.	Toan xanh 1,8m x 1,4m	Cam kết đáp ứng tất cả yêu cầu kỹ thuật tại mục 2 - Danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật tại phụ lục 01				
3.	Toan xanh 1.0m x 0,7m	Cam kết đáp ứng tất cả yêu cầu kỹ thuật tại mục 2 - Danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật tại phụ lục 01				
4.	Toan lỗ 1,4m x 1,2m	Cam kết đáp ứng tất cả yêu cầu kỹ thuật tại mục 2 - Danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật tại phụ lục 01				
5.	Toan gói chập đôi 1m x 1m	Cam kết đáp ứng tất cả yêu cầu kỹ thuật tại mục 2 - Danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật tại phụ lục 01				
6.	Áo mổ PTV	Cam kết đáp ứng tất cả yêu cầu kỹ thuật tại mục 2 - Danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật tại phụ lục 01				

Ghi chú: Bảng báo giá trên đây được báo giá cho 01 đơn vị tính.

#### Các điều khoản khác:

- Nhà thầu cam kết đáp ứng tất cả các cam kết tại mục 2- yêu cầu chung tại phụ lục số 01.
- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí, chi phí, thuế VAT và dịch vụ khác (nếu có) và các loại thuế khác theo quy định hiện hành;
- Địa điểm giao hàng: Kho Kiểm soát nhiễm khuẩn, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, Địa chỉ: Cơ sở Ninh Bình - Đường Lê Duẩn, phường Phú Lý, tỉnh Ninh Bình.
- Thời gian hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày 06 / 7 /2026.



Hà Nội, ngày tháng năm 2026  
Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)

*(Handwritten signature)*